

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 101/2025/HS-ST

Ngày: 12/11/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ

Bà Huỳnh Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Thị Tuyết, sinh ngày 01/01/1984; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Số B, tổ A T, phường V, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh C (đã chết) và bà Thị H, sinh năm 1959; Chồng tên Danh C1, sinh năm 1967, con tên Thị Cẩm N, sinh năm 2005, nghề nghiệp: Công nhân, cùng cư trú tại Số B, tổ A T, phường V, tỉnh An Giang

Tiền án, tiền sự: Không có.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

Chị Trần Kim L, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp L, xã A, tỉnh An Giang. (Vắng

mặt).

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Phi T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A N, khu phố H, phường R, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Chị Thị Thu G, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp C, T, xã G, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Anh Võ Thanh Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp H, N, xã G, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/5/2025 Thị Tuyết đến Bệnh viện Đ1 tại số A đường N, khu phố H, phường R, tỉnh An Giang để chăm sóc mẹ ruột đang điều trị bệnh. Ngày 24/5/2025, bà Trần Kim L cũng đến đây chăm sóc cha chống bệnh. Trong thời gian này. Thị Tuyết quan sát thấy bà Trần Kim L nhiều lần lấy tiền ra và để tiền vào túi áo (chiếc áo khoác của bà Trần Kim L mua cà phê sữa, trên ngực trái của áo có chữ BURBERRY, loại của nữ, dài tay và có nón chùm đầu) nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của bà Trần Kim L. Đến khoảng hơn 01 giờ 30 phút sáng ngày 25/5/2025, tại khu vực sảnh chờ, tầng 4, khu Hồi sức tim mạch tích cực, thuộc Bệnh viện Đ1, khi thấy bà Trần Kim L đang ngủ say. Thị T1 đi đến dùng tay phải lén lút lấy trộm chiếc áo khoác bên trong có đựng tiền và vàng của bà Trần Kim L, rồi nhanh chóng đi vào nhà vệ sinh gần đó lục soát trong túi áo lấy ra 01 (một) cái bóp cầm tay (Loại nhựa), màu xanh nhạt, bên trong có 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) và 01 (một) chiếc túi chất liệu vải nhung. loại dùng để đựng vàng, bên trong túi vải có 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K. loại vàng 610, trọng lượng 5 chỉ 2 phân 4 li, kiểu mắt xích kết hợp ống tre, cùng với 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Sau khi lấy tiền và vàng. Thị Tuyết vứt bỏ cái áo khoác vào thùng rác trước lối đi vào nhà vệ sinh; đổi với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) lấy trộm được thì Thị T1 cất giấu vào túi áo khoác của mình sợi dây chuyền vàng 18K thì Thị T1 cất giấu vào miếng tã lót dùng cho người bệnh, rồi tiếp tục nằm ngủ. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, bà Trần Kim L thức dậy phát hiện tài sản đã bị mất trộm, nên trình báo sự việc đến Công an phường R, tỉnh An Giang. Sau khi Công an phường R, tỉnh An Giang mời làm việc, Thị T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp lại tất cả số tài sản đã lấy trộm của bà Trần Kim L.

Ngày 29/7/2025, Thị T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Thị T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 6 năm 2025, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố R, kết luận:

- 01 (một) cái bóp cầm tay, loại của nữ, chất liệu nhựa, không rõ nhãn hiệu. màu xanh nhạt, trên cái bóp có dòng chữ MIEKY và chữ (c) 2022 FUJYA co., LTD, kích thước cái bóp 18,5cm x 13,5cm, cái bóp đã cũ và đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 25/5/2025, không khảo sát được giá do không có nhãn hiệu.

- 01 (một) chiếc áo khoác, kiểu áo dài tay và có nón trùm đầu, loại của nữ. chất liệu vải thun, không rõ nhãn hiệu, màu cà phê sữa, trên ngực trái của áo có dòng chữ BURBERY, chiếc áo khoác đã cũ và đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 25/5/2025, không khảo sát được giá do không có nhãn hiệu.

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng 5,24 chỉ, kiểu mắt xích kết hợp ống tre, sợi dây chuyền dài 60,5 cm, tại thời điểm định giá ngày 25/5/2025, có trị giá là 33.185.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

Ngoài ra còn thu giữ tiền Việt Nam là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 34.185.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Tại Cáo trạng của Viện kiểm sát số: 07/CT-VKSRG ngày 06/10/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 An Giang đã truy tố bị cáo Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thị Tuyết M án tù 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

- *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Thị T1 không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về vật chứng*: Tài sản bị trộm cắp đã giao trả cho người bị hại Trần Kim L theo Quyết định xử lý vật chứng số 5088/QĐ-VPCQCSĐT ngày 06/6/2025 nên đề nghị miễn xét.

- *Về trách nhiệm dân sự*:

Bị hại Trần Kim L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị không xem xét

- *Về án phí*: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Thị T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại Tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra C2 Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa:

Bị hại Trần Kim L vắng mặt, xét thấy trong hồ sơ đã có lời khai rõ ràng của bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên việc vắng mặt của bị hại không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật

khách quan của vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại Trần Kim L.

Người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút sáng ngày 25/5/2025, tại khu vực sảnh chờ, tầng 4, khu Hồi sức tim mạch tích cực, thuộc Bệnh viện Đ1 tại số A đường N, khu phố H, phường R, tỉnh An Giang, Thị T1 đã lợi dụng sự sơ hở của chị Trần Kim L lén lút chiếm đoạt 01 (một) cái bóp cầm tay, loại của nữ, chất liệu nhựa, không rõ nhãn hiệu, màu xanh nhạt, trên cái bóp có dòng chữ MIEKY và chữ (c) 2022 FUJYA CO, 1.TD, kích thước cái bóp là 18,5cm x 13,5cm, cái bóp đã cũ và đã qua sử dụng. 01 (một) chiếc áo khoác, kiểu áo dài tay và có nón trùm đầu, loại của nữ chất liệu vải thun, không rõ nhãn hiệu, màu cà phê sữa, trên ngực trái của áo có chữ BURBERRY, chiếc áo khoác đã cũ và đã qua sử dụng. 01 (một) chiếc túi chất liệu vải nhung, loại dùng để đựng vàng, trên chiếc túi vải có ghi chữ H- H, kích thước chiếc túi vải 8,5cm x 7cm. chiếc túi vải đã cũ và đã qua sử dụng. 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng 5 chỉ 2 phân 4 li, kiểu mắt xích kết hợp ống tre, sợi dây chuyền 60,05 cm. Tiền Việt Nam là 1.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 34.185.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cũng phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 07/CT-VKSRG ngày 06/10/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp, quyền quản lý tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc nhưng vẫn cố tình

thực hiện. Tuy nhiên xét nhân thân của bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã được trả lại toàn bộ cho bị hại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần thiết áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là chị Trần Kim L đã nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh A đã trả lại tài sản bị trộm cho bị hại Trần Kim L theo Quyết định xử lý vật chứng số 5088/QĐ-VPCQCSĐT ngày 06/6/2025 nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét.

[8] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Thị T1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.
3. Xử phạt bị cáo Thị T1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm hai lần nghĩa vụ trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thị T1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trần Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh AG;
- VKS khu vực I – An Giang;
- Phòng THADS khu vực I – An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư Pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên

